

không màu hay nâu nhạt, hơi cong và phân nhánh của Bạch linh; các bó sợi mang tinh thể calci oxalat hình lăng trụ của Cam thảo.

B. Định tính Đường quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: n-Hexan - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 g chế phẩm, tán thành bột thô hoặc cắt nhỏ, thêm 30 ml ether (TT), lắc 30 min trên máy lắc, lọc lấy dịch chiết. Chiết như trên thêm một lần nữa. Gộp các dịch chiết ether, để bay hơi tự nhiên đến khô. Hòa cần trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy khoảng 0,5 g bột Đường quy (mẫu chuẩn), thêm 15 ml ether (TT) rồi tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 15 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Đảng sâm

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: n-Hexan - ethyl acetat (2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 g hoàn, nghiền nhỏ, nếu là hoàn mềm thì cắt nhỏ, thêm 50 ml methanol (TT), đun sôi hồi lưu trên cách thủy 30 min, để nguội, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Khuấy kỹ cần với n-butanol (TT) 3 lần, mỗi lần 10 ml. Gộp dịch chiết butanol, cô trên cách thủy đến cạn. Thêm vào cần 30 ml dung dịch acid sulfuric 20 % (TT), đun sôi hồi lưu trong 2 h, để nguội, lọc lấy tủa, rửa bằng nước cất cho hết phản ứng acid, sấy khô ở 70 °C. Thêm vào tủa 20 ml cloroform (TT), đun trên cách thủy nóng, lọc, cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa cần trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 12 g Đảng sâm (mẫu chuẩn) đã tán nhỏ, thêm 30 ml n-butanol (TT) và tiến hành chiết như đối với dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT), sấy ở 110 °C cho đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Hoàn mềm: Không được quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Hoàn cứng: Không được quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 85 °C, 5 h).

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, tránh ẩm.

Công năng, chủ trị

Bổ khí, dưỡng huyết. Chủ trị: Khí huyết lưỡng hư có biểu hiện: mệt mỏi, chán ăn, lười nói, khí đoản, sắc mặt bệch, chóng mặt hoa mắt, tim đập hồi hộp.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 6 g hoàn cứng, hoặc 1 viên hoàn mềm, ngày uống 2 lần.

HOÀN BÁT VỊ

Công thức

Quế nhục (<i>Cinnamomi Cortex</i>)	22 g
Hắc Phụ tử (<i>Aconiti Radix Lateralis Praeparata</i>)	22 g
Thục địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix Praeparata</i>)	176 g
Sơn thù tằm rượu sao (<i>Corni officinalis Fructus Praeparatus</i>)	88 g
Mẫu đơn bì (<i>Moutan Cortex</i>)	66 g
Hoài sơn (<i>Dioscoreae persimilis Tuber</i>)	88 g
Phục linh (<i>Poria</i>)	66 g
Trạch tả (<i>Alismatis Rhizoma</i>)	66 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	1000 g

Bào chế

Quế nhục: cạo sạch vỏ (lớp bên), thái mỏng, tán bột.

Thục địa: thái lát dày 2 mm đến 3 mm, tẩm rượu cho mềm, trộn với các vị thuốc còn lại, giã nát với nhau, sấy khô nghiền thành bột mịn. Trộn đều với bột quế thành bột kép, rây qua rây số 180.

Mật ong: cô luyện thành châu.

Cứ 100 g bột kép dùng 80 g đến 110 g mật luyện nóng, trộn đều đến nhuyễn. Chia thành các hoàn mềm 9 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu màu nâu hơi đen bóng, vị ngọt hơi chua và cay.

Định tính

A. Định tính Hoài sơn, Bạch linh, Quế nhục, Trạch tả: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi với độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột mẫu chuẩn của Hoài sơn, Trạch tả, Bạch linh và Quế chi thấy: Hạt tinh bột hình chuông, hình trứng, dài 10 µm đến 60 µm, rộng khoảng 20 µm, có vân đồng tâm, rốn lệch tâm, hình chằm hay hình vạch của Hoài sơn. Các hạt tinh bột hình trứng dài, hình bầu dục, đường kính 3 µm đến 14 µm, rốn hình khe ngắn, hình chữ Y, chữ V, đứng riêng lẻ hay kép đôi, kép 3 của Trạch tả. Các khối phân nhánh không đều, không màu; sợi nấm không màu, hơi cong và phân nhánh của Bạch linh. Các sợi dài đặc biệt hình thoi, màu vàng nâu, thành dày khoang hẹp, tế bào mô cứng hình chữ nhật hay hình trái xoan thành dày, khoang rộng có ống trao đổi rõ của Quế nhục.

B. Định tính Thục địa

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: *Cloroform - ethyl acetat* (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 15 g chế phẩm, cắt nhỏ, thêm 40 ml *methanol* (TT), đun sôi trên cách thủy 15 min, gạn và lọc lấy dịch chiết. Bã được chiết như trên 2 lần nữa. Gộp các dịch chiết *methanol*, cô trên cách thủy tới cạn. Khuấy kỹ lẫn với *n-butanol* (TT) 3 lần, mỗi lần 5 ml. Gộp các dịch chiết *butanol*, bốc hơi trên cách thủy tới cạn. Hòa lẫn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2,5 g Thực địa (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch *vanilin* 1 % trong hỗn hợp đồng thể tích *acid phosphoric* và *ethanol* (TT), sấy bản mỏng ở 110 °C đến khi hiện rõ các vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không được quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Độc tính bất thường

Thử theo Phụ lục 13.5. Lấy 3 g bột viên, thêm 7,5 ml nước cất, nghiền nhuyễn và lắc đều. Cho chuột uống 1 ml/chuột.

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Ôn bổ thận dương. Chủ trị: Thận dương bất túc, thất lưng đau gối mỏi, nửa người dưới thường có cảm giác lạnh, bụng dưới đau co lại, tiểu tiện hoặc ít hoặc nhiều. Có thể dùng cho đờm ảm, cước khí, tiêu khát, chuột rút.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 1 hoàn, ngày 2 lần, uống lúc đói.

HOÀN BỔ TRUNG ÍCH KHÍ

Công thức

Hoàn kỳ tằm mật (<i>Astragali membranacei Radix Praeparata cum Melle</i>)	100 g
Đảng sâm tằm nước cốt gừng sao (<i>Codonopsis Radix Praeparata</i>)	30 g
Cam thảo chích mật (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma Praeparata Cum Mell</i>)	30 g
Bạch truật tằm hoàng thổ sao (<i>Atractylodis macrocephalae Rhizoma praeparatum</i>)	30 g
Đương quy (<i>Angelicae sinensis Radix</i>)	20 g
Thăng ma (<i>Cimicifugae Rhizoma</i>)	30 g
Sài hồ (<i>Bupleuri chinensis Radix</i>)	30 g
Trần bì (<i>Citri reticulatae Pericarpium Perenne</i>)	30 g
Gừng tươi (<i>Zingiberis Rhizoma Recens</i>)	12 g
Đại táo (<i>Ziziphi jujubae Fructus</i>)	102 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	1000 g

Bào chế

Lấy Đại táo cùng với Gừng tươi cắt nhỏ, thêm nước và sắc kỹ 2 lần cho đến khi nhừ hết và tiết hết chất ngọt, lọc lấy dịch và bỏ bã, cô đặc dịch chiết.

Các vị thuốc còn lại được thái phiến, làm khô rồi nghiền thành bột mịn, trộn đều thành bột kép, rây qua rây số 180. Trộn bột kép với dịch cô đặc và mật ong luyện sôi cho nhuyễn. Cứ 100 g bột kép dùng 100 g đến 120 g mật luyện. Làm viên hoàn mềm 9 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu màu đen, mùi thơm, vị ngọt sau hơi đắng, cay.

Định tính

A. Soi kính hiển vi thấy: Nhiều loại sợi khác nhau, riêng lẻ hay tập trung thành bó, một số sợi mang tinh thể calci oxalat hình khối. Nhiều tinh thể calci oxalat hình kim riêng lẻ hay tập trung thành đám. Tế bào cứng thành dày thấy rõ lỗ trao đổi. Mảnh mô mềm nhiều khi mang hạt tinh bột. Hạt tinh bột hình dạng khác nhau riêng lẻ hay tập trung thành khối. Mảnh vỏ quả ngoài gồm các tế bào hình dạng khác nhau, thành hơi dày. Mảnh bản, các mảnh mạch xoắn, mạch điềm, mạch vạch. Các hạt phấn hoa có hình dạng, kích thước khác nhau.

B. Định tính Cam thảo

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *Cloroform - acetone* (7 : 3).

Dung dịch thử: Lấy 10 g chế phẩm, nghiền hoặc cắt nhỏ, thêm 20 ml *methanol* (TT), dùng thìa thủy tinh dần nhuyễn, gạn, lọc. Bã được chiết như trên 2 lần nữa. Tập trung các dịch lọc, cô trên cách thủy tới còn khoảng 5 ml.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 0,5 g Cam thảo (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, thêm 20 ml *methanol* (TT), đun sôi trên cách thủy 20 min, lọc, bã được chiết như trên 2 lần. Tập trung các dịch lọc, cô trên cách thủy còn khoảng 5 ml.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, để khô bản mỏng ở nhiệt độ phòng rồi quan sát dưới ánh sáng tử ngoại có bước sóng 254 nm và 366 nm, hoặc phun dung dịch *vanilin* 1 % trong *acid sulfuric* (TT), sấy bản mỏng ở 100 °C đến khi hiện rõ các vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Đương quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *n-Hexan - ethyl acetat* (95 : 5).

Dung dịch thử: Dùng dịch chiết trong *methanol* của phần định tính Cam thảo.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 0,5 g bột Đương quy (mẫu chuẩn), thêm 5 ml *methanol* (TT), lắc kỹ 10 min, lọc.